

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUY TIÊN
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Án số: 27/2024/HNGĐ-ST

Ngày 16/9/2024

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUY TIÊN - HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tươi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Tuấn và bà Lê Thị Huân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2024 về “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Á, sinh năm 1987; Địa chỉ: Tổ dân phố N, phường T, thị xã D, tỉnh Hà Nam; vắng mặt (có Đơn xin giải quyết vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Đinh Quang T, sinh năm 1979; Địa chỉ: Tổ dân phố N, phường T, thị xã D, tỉnh Hà Nam; vắng mặt (có Đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đặng Thị Á trình bày:

Chị và anh Đinh Quang T trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 24/5/2006 tại UBND xã T, huyện D (nay là UBND phường T, thị xã D), tỉnh Hà Nam. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hạnh phúc được khoảng

một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bất đồng nên trong sinh hoạt hàng ngày xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau. Vợ chồng chấm dứt quan hệ, sống ly thân từ tháng 4 năm 2023 đến nay không còn quan quan tâm đến nhau. Nay chị xét thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị với anh **T**.

Quá trình giải quyết vụ án, tại Biên bản lấy lời khai ngày 27/8/2024 bị đơn anh **Đình Quang T** cũng đồng ý như chị **Â** khai về điều kiện, thủ tục anh chị đăng ký kết hôn với nhau như chị **Â** khai là đúng. Về tình cảm vợ chồng anh khai sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không hợp, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nhiều hơn khi anh bị tai nạn dẫn đến kinh tế gia đình càng khó khăn. Chị **Â** đã tự ý bỏ đi từ khoảng tháng 4/2023 đến nay không về chung sống cùng anh và hai con. Nay chị **Â** xin ly hôn, anh **T** đồng ý.

Về con chung của vợ chồng: Chị **Â**, anh **T** đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu: **Đình Quang A**, sinh ngày 06/11/2015 và cháu **Đình Thị Ngọc A1**, sinh ngày 14/12/2017. Khi ly hôn chị **Â** xin nuôi cháu **Ngọc A1**, để anh **T** nuôi cháu **Quang A** và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Quan điểm của anh **T** khi ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và yêu cầu chị **Â** cấp dưỡng nuôi con chung theo pháp luật quy định.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Chị **Â**, anh **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 BLTTDS. Áp dụng Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- + Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị **Đặng Thị Â** và anh **Đình Quang T**
- + Giao cháu cháu **Đình Thị Ngọc A1**, sinh ngày 14/12/2017 cho chị **Đặng Thị Â** tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu **Đình Quang A**, sinh ngày 06/11/2015 cho anh **Đình Quang T** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị **Â**

và anh **T** không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị **Â**, anh **T** được quyền thăm hỏi, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

+ Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị **Đặng Thị Â**, anh **Đình Quang T** phải nộp án phí LHST không có giá ngạch.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên phát biểu quan điểm, sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, tuy nhiên chị **Â**, anh **T** đã có Đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị **Đặng Thị Â** và anh **Đình Quang T** kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và được đăng ký kết hôn vào ngày 24/5/2006 tại **UBND xã T, huyện D (nay là phường T, thị xã D), tỉnh Hà Nam** là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo hộ.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn là thực tế các bên đã thừa nhận. Nguyên nhân là do trong cuộc sống vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm với nhau, từ đó dẫn đến việc vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 4 năm 2023. Nay chị **Â** xin ly hôn thì anh **T** cũng đồng ý. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị **Â** và anh **T** đã tồn tại trong một thời gian dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cho dù giữ nguyên tình trạng sống ly thân như hiện nay của vợ chồng cũng không đem lại hạnh phúc. Vì vậy, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **Đặng Thị Â** đối với anh **Đình Quang T** là phù hợp thực tế và quy định tại Điều 51, 55 Luật Hôn nhân gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị **Â** và anh **T** đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu: **Đình Quang A**, sinh ngày 06/11/2015 và cháu **Đình Thị Ngọc A1**, sinh ngày 14/12/2017. Khi ly hôn chị **Â** và anh **T** đều có quan điểm xin nuôi con.

Xét về điều kiện thực tế của các bên, nguyện vọng nuôi con chung của các đương sự, cũng như các điều kiện thực tế: Hiện tại chị **Â** đang làm công nhân, anh **T** là lao động tự do, để đảm bảo cho sự phát triển tốt nhất của 02 cháu: Cháu **Ngọc**

A1 là con gái, chưa đủ 7 tuổi, rất cần sự chăm sóc, dạy dỗ, quan tâm của mẹ nên giao cháu **Ngọc A1** cho chị **Â** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp. Cháu **Quang A** là con trai và cháu có nguyện vọng được ở cùng bố nên xét thấy cần thiết nên giao anh **T** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu **Quang A** là hợp lý. Chị **Â** và anh **T** không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] *Về tài sản chung, công nợ, công sức của vợ chồng*: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5] *Về án phí ly hôn sơ thẩm*: Chị **Â**, anh **T** phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 28, 35, 39, 147 và Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Các Điều 51, 55, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị **Đặng Thị Â** và anh **Đình Quang T**.

2. Về con chung: Giao chị **Đặng Thị Â** trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Đình Thị Ngọc A1**, sinh ngày 14/12/2017, giao anh **Đình Quang T** trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Đình Quang A**, sinh ngày 06/11/2015 kể từ tháng 9/2024 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Chị **Đặng Thị Â**, anh **Đình Quang T** không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Các bên được quyền thăm hỏi, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Chị **Â**, anh **T** và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh **T**, chị **Â** trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị **Đặng Thị Â**, anh **Đình Quang T** mỗi người phải chịu 75.000 đồng. Chị **Â** được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0001175 ngày 26/8/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam. Trả lại chị **Đặng Thị Â** số tiền 225.000 đồng.

Báo cho chị **Đặng Thị Â**, anh **Đình Quang T** vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự,

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam.
- VKSND thị xã Duy Tiên.
- Chi cục THADS thị xã Duy Tiên.
- UBND phường Tiên Nội;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN THỊ TƯƠI